

BỘ Y TẾ
CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2018

GIẤY TIẾP NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 565 /2018/ĐKSP

Cục An toàn thực phẩm xác nhận đã nhận bản công bố sản phẩm của:

Công ty TNHH Dinh dưỡng Nutricare

Địa chỉ: số 5, ngõ 9/76, phố Mai Dịch, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0914757046

Fax:

Email:

Cho sản phẩm: Metacare 4 do nhà máy Chi nhánh Công ty TNHH Dinh dưỡng Nutricare; Địa chỉ: Lô VII.2 khu công nghiệp Thuận Thành, xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam sản xuất, phù hợp Quy chuẩn Việt Nam số QCVN 8-1:2011/BYT, QCVN 8-3:2011/BYT; QCVN 8-2:2011/BYT và Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT.

Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố./.

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân;
- Lưu trữ.

CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Thanh Phong

BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 04/2018/NUTRI- CB

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC CÁ NHÂN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH DINH DƯỠNG NUTRICARE**

Địa chỉ: Số 5, ngõ 9/76 phố Mai Dịch, phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy,
Thành phố, Hà Nội

Điện thoại: 0466833368

Fax: 0437858999

E-mail: nutricare82@gmail.com

Mã số doanh nghiệp : 0104937284

Số giấy chứng nhận cấp cơ sở đủ điều kiện ATTP : 0000417/2017/ATTP- CNĐK,
ngày cấp 17/05/2017, Nơi cấp : Cục An Toàn Thực Phẩm – Bộ Y Tế.

II. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM

1. TÊN SẢN PHẨM: METACARE 4

2. THÀNH PHẦN: Sữa bột, Maltodextrin, Đường tinh luyện, Chất xơ (FOS/Inulin), Protein đậu nành, DHA, Sữa non, Taurine, Choline, Nucleotides, Béo thực vật, Tinh chất dầu oliu, Aquamin (Canxi từ tảo đỏ), Vitamin K2(MK7), Vitamin (A, D3, E, K1, C, B1, B2, B6, B12), Niacin, Folic Acid, Pantothenic Acid, Biotin, Khoáng chất (Na, K, Cl, Ca, P, Mg, Fe, Mn, Zn, Cu, Iod, Se, Cr, Molybden), Hương vani tổng hợp.

3. CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG CHỦ YẾU

3.1 Trạng thái, màu sắc, mùi vị sản phẩm

Stt	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
	Trạng thái	Bột mịn, không vón cục
2	Màu sắc	Màu trắng sữa
3	Mùi, vị	Mùi đặc trưng của sản phẩm, không có mùi cháy khét, mùi mốc hay mùi vị lạ. Vị ngọt dễ chịu, không có vị lạ đắng,
4	Các đặc tính khác	

3.2 Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

Thành phần	Đơn vị	Trong 100g bột	Mức đáp ứng
Năng lượng	Kcal/100g	378-468	
Protein	g/100g	14-17	

Béo		g/100g	13-16.5
	MUFA	mg/100g	363-449
	PUFA	mg/100g	99-122
Carbohydrate		g/100g	51-63
Inulin & FOS		g/100g	2.7-3.3
Ig G		mg/100g	16-25
Nucleotides		mg/100g	18-22
DHA		mg/100g	13.2-25.2
Taurine		mg/100g	31-39
Choline		mg/100g	111-137
Vitamin			
	Vitamin A	mcg/100g	511-689
	Vitamin D3	mcg/100g	11.0-15.0
	Vitamin E	mg/100g	7.0-10
	Vitamin K1	mcg/100g	17-23
	Vitamin K2 (Mk7)	mcg/100g	32-44
	Vitamin C	mg/100g	64-86
	Vitamin B1	mcg/100g	474-720
	Vitamin B2	mcg/100g	948-1440
	Vitamin B3	mg/100g	7.0-10.0
	Vitamin B5	mcg/100g	1738-2640
	Vitamin B6	mcg/100g	711-1080
	Axit folic	mcg/100g	114-173
	Vitamin B12	mcg/100g	0.8-1.2
	Biotin	mcg/100g	5.0-7.0
Khoáng			
	Natri	mg/100g	154-234
	Kali	mg/100g	531-806
	Clo	mg/100g	391-594
	Canxi	mg/100g	672-1020
	Phốt pho	mg/100g	447-679
	Magie	mg/100g	106-161
	Sắt	mg/100g	6.0-9.0
	I ốt	mcg/100g	76-115
	Kẽm	mg/100g	6.0-9.0
	Đồng	mcg/100g	92-139
	Mangan	mcg/100g	455-691
	Selen	mcg/100g	21-32
	Crom	mcg/100g	4.0-6.0
	Molybden	mcg/100g	6.0-9.0

- **Công dụng:**

Thay thế bữa ăn phụ, bổ sung cho chế độ ăn thiếu đạm và vi chất dinh dưỡng. Hỗ trợ sự phát triển tổng thể, phù hợp với sinh lý lứa tuổi, hỗ trợ hấp thu, tăng trưởng khỏe mạnh.

Không thích hợp cho đối tượng không dung nạp sữa bò, dị ứng lactose.

CHÚ Ý : Sữa mẹ là thức ăn tốt nhất cho sức khỏe và sự phát triển toàn diện của

trẻ nhỏ. Các yếu tố nhiễm khuẩn đặc biệt là kháng thể chỉ có trong sữa mẹ có tác dụng giúp trẻ phòng chống bệnh tiêu chảy, nhiễm đường hô hấp và một số bệnh nhiễm khuẩn khác. chỉ sử dụng sản phẩm này theo chỉ dẫn của bác sỹ. Pha chế đúng hướng dẫn, cho trẻ ăn bằng cốc, thìa hợp vệ sinh.

- **Đối tượng sử dụng:**

- Dành cho trẻ từ 3-6 tuổi.

- **Hướng dẫn sử dụng:**

Cho từ từ 40gam **METACARE 4** (4 muỗng gạt) vào 180ml nước đun sôi để ấm khoảng 40oC-50oC, khuấy đều sẽ được khoảng 200ml dung dịch **METACARE 4** đầy đủ dinh dưỡng, ngày uống 2-3ly hoặc theo hướng dẫn của bác sỹ/chuyên gia dinh dưỡng.

Hỗn hợp sau khi pha sử dụng hết trong vòng 3 giờ.

- **Hướng dẫn cách pha**

1 Rửa tay sạch với xà phòng và nước trước khi pha

2 Đun các dụng cụ, cốc và nắp trong nước sôi (đun sôi trong 2 phút)

3 Đun sôi nước sạch trong vòng 1phút. Để nước nguội xuống 40oC-50oC rồi rót lượng nước cần pha vào cốc hoặc dụng cụ pha.

4 Cho đúng lượng nước vào cốc/ bình rồi và cho từ từ lượng sữa cần pha,

5. Khuấy đều cho đến khi tan hết. Thử độ nóng và cho bé dùng

Đổ bỏ phần **METACARE 4** đã pha khi dùng thừa

Chú ý: Không pha sản phẩm dinh dưỡng bằng nước sôi. Không đun sôi sản phẩm đã pha. Không làm nóng bằng lò vi sóng.

- **Bảo quản:**

Nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Lon khi đã mở phải được đậy kỹ và nên sử dụng hết trong vòng 3 tuần

4. THỜI HẠN SỬ DỤNG:

Hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất

Lô sản xuất và hạn sử dụng được in trên bao bì sản phẩm

5. CHẤT LIỆU BAO BÌ VÀ QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

- Chất liệu bao bì:

Sản phẩm được đóng trong lon, túi tráng thiếc chuyên dùng đảm bảo yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

- Quy cách bao gói:

Khối lượng tịnh : Lon/hộp/ 400g ±10g, 900g±10g, 40g ±5g

6. XUẤT XỨ VÀ THƯƠNG NHÂN CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA

*Sản xuất và chịu trách nhiệm sản phẩm bởi:

CÔNG TY TNHH DINH DƯỠNG NUTRICARE

Trụ sở: Số 5, ngõ 9/76 Phố Mai Dịch, P. Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội
VPGD: Tòa nhà Nutricare, Số 1 LK2, KĐT Vạn Phúc, Quận Hà Đông, TP Hà Nội
Sản xuất tại : Nhà máy CN Công ty TNHH Dinh dưỡng NUTRICARE
Địa chỉ: Lô VII.2, Khu CN Thuận Thành 3, Thanh Khương, Thuận Thành, Bắc Ninh.

ĐT: 02466.833.368

III. MẪU NHÃN SẢN PHẨM (theo bản đính kèm)

IV. YÊU CẦU AN TOÀN THỰC PHẨM

Công ty sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu kỹ thuật sau:

Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật/quy định an toàn thực phẩm:

QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm; QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm; QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm; 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm

1. Các chỉ tiêu vi sinh vật:

Stt	Tên chỉ	Đơn vị	Mức tối
1	L.Monocytogens	cfu/g	100
2	Salmonella	cfu/25g	0
3	Enterobacteriaceae	cfu/g	10
4	Staphylococci dương tính với Coagulase	cfu/g	100
5	Nội độc tố của Staphylococcus	cfu/25g	0

2. Hàm lượng kim loại nặng:

Stt	Tên chỉ	Đơn vị	Mức tối
1	Chì	mg/1000ml	≤ 0.02
2	Thủy ngân	mg/kg	≤ 0.05
3	Cadimi	mg/kg	≤ 1.0
4	Thiếc	mg/kg	≤ 250
5	Asen	mg/kg	≤ 0.5

3. Hàm lượng hóa chất không mong muốn

	Tên chỉ	Đơn vị	Mức tối
1	Hàm lượng Aflatoxin M1: Phù hợp QCVN 8-1:2011	$\mu\text{g}/\text{kg}$	0.5
2	Hàm lượng Melamine: Phù hợp QCVN 5-2:2010	mg/kg	2.5

4. Các chỉ tiêu khác:

Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và hàm lượng các chất không mong muốn khác: Sản phẩm được chế biến theo nguyên tắc GMP đảm bảo đảm lượng thuốc bảo vệ thực vật và các chất không mong muốn khác phù hợp với Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm ban hành kèm theo Quyết định số 46 2007 QĐ-BYT

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố và chỉ đưa sản phẩm vào sản xuất, kinh doanh khi đã được cấp giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2018

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



Nguyễn Đức Minh



Số: 92/2024/CV-NU

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2024

V/v Thông báo cập nhật nhãn và tiêu
chuẩn sản phẩm sau công bố

Kính gửi: Cục An toàn thực phẩm

Trước tiên, Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare (Nutricare) cảm ơn sự hỗ trợ của Quý Cục đối với Công ty trong thời gian qua.

Sản phẩm của Nutricare đã thực hiện thủ tục công bố sản phẩm tại Cục An toàn thực phẩm như sau:

Tên sản phẩm	Số CBSP	Ngày công bố
Metacare 4	565/2018/ĐKSP	27/03/2018

Căn cứ Khoản 4, Điều 8 của Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 và Thông tư 29/2023/TT-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Công ty chúng tôi xin phép được thông báo **cập nhật nhãn và tiêu chuẩn của sản phẩm** trên phù hợp với quy định hiện hành như sau:

1. Cập nhật nhãn sản phẩm

Nội dung thay đổi	Thông tin cũ	Thông tin điều chỉnh/cập nhật
Thay đổi cách viết tiêu đề bảng thông tin dinh dưỡng	THÔNG TIN DINH DƯỠNG/NUTRITION INFORMATION	GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH/ AVERAGE NUTRITIONAL VALUES
Điều chỉnh cách viết một số chất	- Chất béo/ <i>Fat</i> - Vitamin B5	- Chất béo/ <i>Lipid</i> - Axit pantothenic
Đổi ký hiệu đơn vị	Đơn vị “ mcg ”	Đơn vị “ µg ”
Bổ sung câu “ Sản phẩm có chứa Sữa, Đạm đậu nành. <i>Product contains Milk, Soy protein.</i> ”		
Điều chỉnh giá trị Carbohydrate (Không tính chất xơ theo quy định tại Thông tư 29/2023/TT-BYT) trong bảng thông tin dinh dưỡng	“ Carbohydrate ” và giá trị kèm theo trong bảng thông tin dinh dưỡng	“ Carbohydrat/ Carbohydrate ” và các giá trị kèm theo trong bảng giá trị dinh dưỡng trung bình
Bổ sung giá trị “ Đường tổng số ” theo quy định tại Thông tư 29/2023/TT-BYT vào bảng giá trị dinh dưỡng trung bình.		
Chuyển ghi thành phần định lượng của “Sữa non/Colostrum” từ bảng thông tin dinh dưỡng lên phần thành phần.		
Bổ sung câu “ Lưu ý: Sản phẩm có thể chứa các hạt vi chất dinh dưỡng có màu khác với		

màu bột sữa”.

Bổ sung câu “Hàm lượng các chất dinh dưỡng không thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn”

Bổ sung thành phần định lượng tinh chất dầu Olive.

Điều chỉnh cách trình bày phần “Hướng dẫn cách pha” và “Hướng dẫn sử dụng”

HƯỚNG DẪN CÁCH PHA/INSTRUCTIONS FOR PREPARATION

- 1) Rửa tay sạch với xà phòng và nước trước khi pha./*Wash the hands with soap & water.*
- 2) Đun sôi các dụng cụ, cốc và nắp trong nước sôi (đun sôi trong 2 phút)./All utensils must be cleaned and boiled for 2 minutes before use.
- 3) Đun sôi nước để pha trong khoảng 1 phút và để nước nguội (40° - 50°) trước khi pha./Boil the water for 1 minute, then let it cool off to lukewarm (approx 45° - 50°).
- 4) Cho đúng lượng nước vào cốc/bình rồi cho từ từ 40g METACARE 4 (4 muỗng gạt) vào theo hướng dẫn/Pour recommended amount of water into the utensil, then add recommended level scoops of Metacare 4
- 5) Khuấy đều cho đến khi tan hết. Thử độ nóng và cho bé dùng.
- Đổ bỏ phần METACARE 4 đã pha khi dùng thừa.
- Sử dụng METACARE 4 đã pha trong vòng 1 giờ.

Stir well until the powder is completely dissolved.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG/RECOMMENDED FEEDING

Tuổi của trẻ Age	Chuẩn bị cho 1 lần ăn/Per 1 serving		Số lần trẻ ăn trong ngày Recommended use
	Lượng nước ấm/Warm water	Số muỗng g/Nummer of level	

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG/INSTRUCTION FOR USE:

- 1) Rửa sạch tay với xà phòng và nước trước khi pha./*Wash your hands with soap and water.*
 - 2) Rửa sạch và đun sôi các dụng cụ, cốc và nắp trong 5 phút./All utensils must be cleaned and boiled for 5 minutes.
 - 3) Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội đến khoảng 50 °C./Boil the water for 5 minutes, then let it cool off to lukewarm (approximately 50 °C).
 - 4) Cho 180 ml nước ấm vào cốc/bình rồi cho 4 muỗng gạt (tương đương 40 g bột)./Pour 180 ml of water into the utensils, then add 4 scoops (approximately 40 g of powder).
 - 5) Khuấy hoặc lắc đều cho đến khi bột tan hết. Thử độ nóng trước khi dùng./Stir well until the powder is completely dissolved. Check the heat before feeding.
- Hỗn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 1 giờ./Finish using product reconstituted feeding 1 hours after preparation.

LƯỢNG DÙNG KHUYẾN NGHỊ/RECOMMENDED INTAKE

Dùng 2 – 3 *** ly/ngày./Use 2 – 3*** servings per day.
*** theo chuyên gia dinh dưỡng hoặc bác sĩ khuyến dùng.

	<table border="1" data-bbox="505 119 936 334"> <tr> <td></td> <td>(ml)</td> <td>scoops</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Từ 3-6 tuổi</td> <td></td> <td></td> <td>2-3* lần</td> </tr> <tr> <td><i>Age from 1-3</i></td> <td>180</td> <td>4</td> <td><i>2-3* servings per day</i></td> </tr> </table> <p>1 muỗng tương đương với 10g bột (* theo chuyên gia dinh dưỡng hoặc bác sĩ khuyên dùng)</p>		(ml)	scoops		Từ 3-6 tuổi			2-3* lần	<i>Age from 1-3</i>	180	4	<i>2-3* servings per day</i>	
	(ml)	scoops												
Từ 3-6 tuổi			2-3* lần											
<i>Age from 1-3</i>	180	4	<i>2-3* servings per day</i>											
<p>Điều chỉnh cách trình bày phần “BẢO QUẢN”</p>	<p>BẢO QUẢN/STORAGE Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Hộp đã mở phải được đậy kỹ và sử dụng hết trong vòng 3 tuần. <i>Store in a cool, dry, cool place, away from direct sunlight. The box opened must be covered thoroughly and used up within 3 weeks.</i></p>	<p>BẢO QUẢN/STORAGE: Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần. <i>Close the product tightly after each use. Store in a cool and dry place, and avoid direct sunlight. Use within 3 weeks after first opened.</i></p>												
<p>Cập nhật địa chỉ VPGD và nhà máy sản xuất.</p>	<p>Sản xuất & chịu trách nhiệm sản phẩm bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE VPGD: Số 1, LK2, KĐT Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội. Điện thoại: 024.66.833.368 Nhà máy: CN CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE Địa chỉ: Lô VII.2, KCN Thuận Thành 3, Thanh Khương, Thuận Thành, Bắc Ninh, Việt Nam.</p>	<p>THƯƠNG NHẬN CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA: CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE. VPGD: Tòa nhà Nutricare, Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội. Điện thoại: 024.6683.3368 Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare. Địa chỉ: Nhà máy 1, Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Thanh Khương, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam. Xuất xứ: Việt Nam.</p>												
<p>Bổ sung Cụm từ “Nhà máy Nutricare” trước thông tin đạt chứng nhận ISO, HACCP, GMP</p>	<p>Đạt chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000:2018, Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP), HACCP, Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001:2015.</p>	<p>Nhà máy Nutricare đạt chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000:2018, Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP), HACCP, Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001:2015.</p>												

2. Cập nhật tiêu chuẩn sản phẩm số 04/2018/TCSP-NUTRI của sản phẩm theo quy định hiện hành.

(Nhãn và tiêu chuẩn sản phẩm cập nhật chi tiết đính kèm).

Các nội dung (Tên sản phẩm, xuất xứ, thành phần cấu tạo) không thay đổi so với nhãn đã công bố.

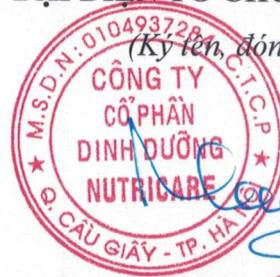
Nutricare cam kết bảo đảm chất lượng sản phẩm trên như đã công bố.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare xin thông báo đến Cục An toàn thực phẩm để biết.

Xin trân trọng cảm ơn!

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Minh



**GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH
AVERAGE NUTRITIONAL VALUES(1)**

Thành phần Components	Đơn vị Unit	Trong 100 g bột Per 100 g of powder	Trong 200 ml pha chuẩn Per serving of 200ml
Năng lượng/Energy	kcal	425	170
Chất đạm/Protein	g	15,5	6,20
Chất béo/Lipid	g	15,0	6,00
MUFA	mg	408	163,2
PUFA	mg	111	44,4
DHA	mg	25,0	10,0
Carbohydrat/Carbohydrate	g	57,0	22,8
Đường tổng số/Total sugars	g	28,5	11,4
Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin) Prebiotics (FOS/Inulin)	g	3,00	1,20
IgG	mg	18,0	7,20
Nucleotit/Nucleotides	mg	20,0	4,00
Taurin/Taurine	mg	35,0	14,0
Cholin/Choline	mg	124,8	49,92

VITAMIN/VITAMINS			
Vitamin A*	µg	574	229,6
Vitamin D3	µg	12,6	5,04
Vitamin E*	mg	8,20	3,28
Vitamin K1	µg	19,2	7,68
Vitamin K2 (MK7)	µg	42,0	16,8
Vitamin C*	mg	72,0	28,8
Vitamin B1*	µg	600	240
Vitamin B2*	µg	1200	480
Vitamin B3*/Niacin	mg	8,60	3,44
Axit pantothenic*/Pantothenic acid	µg	2200	880
Vitamin B6*	µg	900	360
Axit folic/Folic acid	µg	144	57,6
Vitamin B12	µg	1,00	0,40
Biotin	µg	6,20	2,48

KHOẢNG CHẤT/MINERALS			
Natri/Sodium	mg	195	78,0
Kali/Potassium	mg	672	268,8
Clo/Chloride	mg	495	198
Canxi*/Calcium	mg	850	340
Phốt pho*/Phosphorus	mg	566	226,4
Tỉ lệ Ca/P/ Ca:P Ratio		1,50	1,50
Magiê*/Magnesium	mg	134	53,6
Sắt/Iron	mg	7,20	2,88
I-ốt/Iodine	µg	96,0	38,4
Kẽm*/Zinc	mg	7,10	2,84
Đồng/Copper	µg	116	46,4
Mangan/Manganese	µg	576	230,4
Selen*/Selenium	µg	26,4	10,56
Crôm/Chromium	µg	5,10	2,04
Molybden/Molybdenum	µg	7,70	3,08

(1) Hàm lượng các chất dinh dưỡng không thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn.
(2) Hàm lượng Tinh chất dầu Olive: 30 mg/100 g bột.

THÀNH PHẦN/INGREDIENTS

Sữa bột, Maltodextrin, Đường tinh luyện, Chất xơ (FOS/Inulin), Protein đậu nành, DHA, Sữa non (90 mg/100 g), Taurin, Cholin, Nucleotit, Béo thực vật, Tinh chất dầu Oliu, Aquamin (Canxi từ tảo đỏ), Vitamin K2 (MK7), Vitamin (A, D3, E, K1, C, B1, B2, B6, B12, Niacin, Axit folic, Axit pantothenic, Biotin), Khoáng chất (Na, K, Cl, Ca, P, Mg, Fe, Mn, Zn, Cu, I-ốt, Se, Cr, Molybden), Hương vani tổng hợp.
Sản phẩm có chứa Sữa, Đậu đậu nành.

Milk powder, Maltodextrin, Sucrose, Prebiotics (FOS/Inulin), Soy protein, DHA, Colostrum (90 mg/100 g), Taurine, Choline, Nucleotides, Vegetable oil, Olive extract, Aquamin (Calcium from red algae), Vitamin K2 (MK7), Vitamins (A, D3, E, K1, C, B1, B2, B6, B12, Niacin, Folic acid, Pantothenic acid, Biotin), Minerals (Na, K, Cl, Ca, P, Mg, Fe, Mn, Zn, Cu, Iodine, Se, Cr, Molybdenum), Flavour.
Product contains Milk, Soy protein.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG/INSTRUCTION FOR USE

- Rửa sạch tay với xà phòng và nước trước khi pha.
Wash your hands with soap and water.
- Rửa sạch và đun sôi các dụng cụ, cốc và nắp trong 5 phút.
All utensils must be cleaned and boiled for 5 minutes.
- Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội đến khoảng 50°C.
Boil the water for 5 minutes, then let it cool off to lukewarm (approximately 50°C).
- Cho 180 ml nước ấm vào cốc/bình rồi cho 4 muỗng gạt (tương đương 40 g bột).
Pour 180 ml of water into the utensils, then add 4 scoops (approximately 40 g of powder).
- Khuấy hoặc lắc đều cho đến khi bột tan hết. Thử độ nóng trước khi dùng.
Stir well until the powder is completely dissolved. Check the heat before feeding.
Hỗn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 1 giờ.
Finish using product reconstituted feeding 1 hour after preparation.

LƯỢNG DÙNG KHUYẾN NGHỊ/RECOMMENDED INTAKE

Dùng 2 - 3 *** ly/ngày./Use 2 - 3*** servings per day.
*** theo chuyên gia dinh dưỡng hoặc bác sĩ khuyến dùng.

BẢO QUẢN/STORAGE

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần./Close the product tightly after each use. Store in a cool and dry place, and avoid direct sunlight. Use within 3 weeks after first opened.

Lưu ý: Sản phẩm có thể chứa các hạt vi chất dinh dưỡng có màu khác với màu bột sữa.
* Đáp ứng 100% khuyến nghị của FDA Hoa Kỳ. ** So với sản phẩm Metacare 4 thế hệ trước.

THƯƠNG NHÃN CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA:
CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE.
VPGD: Tòa nhà Nutricare, Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.
Điện thoại: 024.6683.3368
Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare.
Địa chỉ Nhà máy 1, Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Thanh Khương, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG MIỄN BÁC: 1.800.6011 (miễn phí) MIỄN NAM: 028.7.300.9888
www.nutricare.com.vn



NUTRICARE



MetaCare

HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN NÃO BỘ, CAO LỚN, KHỎE MẠNH



CAO LỚN +36% CANXI**

KHỎE KHOẢN SỮA NON CAO

TINH ANH x2.5 DHA CHOLINE

Total™ GROW

VITAMIN K2

CANXI TỪ TẢO ĐỎ

Sản phẩm dinh dưỡng dành cho trẻ **Từ 3 - 6 tuổi**

Khối lượng tịnh: **900 g**
Nguyên liệu chính từ **NEW ZEALAND, CHÂU ÂU**

METACARE 4

Nghiên cứu cho thấy chiều cao của trẻ lúc 3 tuổi phản ánh chiều cao tương ứng khi trẻ 18 tuổi. Bằng cách cộng thêm khoảng 77 - 80 cm vào chiều cao của trẻ lúc 3 tuổi, có thể dự đoán chiều cao gần đúng của trẻ khi trưởng thành, vì vậy trẻ nhỏ nếu không được nuôi dưỡng tốt thì sau này sẽ không được cao lớn. Ở giai đoạn này, trẻ cần được cung cấp nền tảng dinh dưỡng chủ trương phát triển chiều cao, thể chất và cả sức đề kháng, não bộ, để phát huy hết tiềm năng của trẻ trong tương lai.
MetaCare 4 với hệ **Total GROW™** - Công thức chăm sóc toàn diện và đột phá với 4 cơ chế hỗ trợ phát triển chiều cao tối ưu, bổ sung Vitamin & Khoáng chất theo đúng lứa tuổi & đáp ứng 100% khuyến nghị của FDA Hoa Kỳ*, giúp hỗ trợ phát triển não bộ, miễn dịch và thể chất của trẻ.

GIÚP XƯƠNG CHẮC KHỎE, CAO LỚN

Giàu dinh dưỡng & chất đạm, bổ sung Vitamin & Khoáng chất đáp ứng 100% khuyến nghị của FDA Hoa Kỳ* hỗ trợ giúp trẻ tăng trưởng tốt theo sinh lý lứa tuổi.
4 cơ chế giúp hệ xương và răng chắc khỏe, hỗ trợ phát triển chiều cao tối ưu: Tăng 36% Canxi** và đột phá với Canxi từ tảo đỏ – là Canxi hữu cơ chiết xuất từ tảo biển Ireland quý hiếm có giá trị cao & hấp thu nhanh hơn tới 3 lần so với canxi thông thường: Vitamin K2 (MK7) & Vitamin D3 tăng cường gắn kết canxi tối đa vào xương, giảm lắng đọng, dư thừa canxi, tránh nóng trong, táo bón; Kết hợp đặc đảo với Tinh chất dầu Olive[®] giúp hòa tan và hấp thu tốt hơn các vitamin tan trong dầu; Giàu Magiê & bổ sung Phốt pho với tỉ lệ Ca/P phù hợp theo khuyến nghị của Viện Dinh Dưỡng Quốc gia.

HỖ TRỢ TIÊU HÓA & MIỄN DỊCH

Bổ sung 5 loại Nucleotides, tăng hàm lượng Sữa non Colostrum cùng hệ Antioxidant (Vitamin A, C, E, Se) & Kẽm giúp hỗ trợ hệ miễn dịch đường ruột, tăng cường sức đề kháng tự nhiên & phòng các bệnh nhiễm khuẩn thông thường, giúp trẻ phát triển khỏe mạnh.
Đôi đảo Chất xơ (FOS/Inulin) giúp tăng cường sự phát triển của vi khuẩn có lợi, hỗ trợ hệ tiêu hóa, giúp cải thiện hấp thu & tránh táo bón.

PHÁT TRIỂN NÃO BỘ & THỊ GIÁC

Tăng cường gấp 2,5 lần DHA**, Cholin, Taurin, Axit folic, I-ốt, Sắt,... giúp phát triển não bộ và thị giác, hỗ trợ quá trình học hỏi và ghi nhớ của trẻ, tăng khả năng nhận thức và giúp bé hoạt bát, tinh anh.



CÔNG DỤNG

Thay thế bữa phụ, bổ sung cho chế độ ăn thiếu đạm và vi chất dinh dưỡng. Hỗ trợ sự phát triển tổng thể, phù hợp với sinh lý lứa tuổi, giúp hỗ trợ hấp thu, tăng trưởng khỏe mạnh.

ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG

Dùng cho trẻ từ 3 - 6 tuổi.



HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN NÃO BỘ, CAO LỚN, KHỎE MẠNH



CHÚ Ý: Sữa mẹ là thức ăn tốt nhất cho sức khỏe và sự phát triển toàn diện của trẻ nhỏ. Các yếu tố chống nhiễm khuẩn, đặc biệt là kháng thể chỉ có trong sữa mẹ có tác dụng giúp trẻ phòng, chống bệnh tiêu chảy, nhiễm khuẩn đường hô hấp và một số bệnh nhiễm khuẩn khác. Chỉ sử dụng sản phẩm này theo chỉ dẫn của bác sĩ. Pha chế theo đúng hướng dẫn. Cho trẻ ăn bằng cốc, thìa hợp vệ sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

BẢN TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM

Số: 04/2018/TCSP-NUTRI

Tên tổ chức chịu trách nhiệm về sản phẩm: Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare.

Trụ sở: Số 5, ngõ 9/76, Phố Mai Dịch, Phường Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

VPGD: Tòa nhà Nutricare, Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024 66833368

Fax: 0437858999

E-mail: nutricare82@gmail.com

1. Tên sản phẩm: Metacare 4

2. Thành phần cấu tạo

Sữa bột, Maltodextrin, Đường tinh luyện, Chất xơ (FOS/Inulin), Protein đậu nành, DHA, Sữa non (90 mg/100 g), Taurin, Cholin, Nucleotit, Béo thực vật, Tinh chất dầu Oliu, Aquamin (Canxi từ tảo đỏ), Vitamin K2 (MK7), Vitamin (A, D3, E, K1, C, B1, B2, B6, B12, Niacin, Axit folic, Axit pantothenic, Biotin), Khoáng chất (Na, K, Cl, Ca, P, Mg, Fe, Mn, Zn, Cu, I-ốt, Se, Cr, Molybden), Hương vani tổng hợp.

Sản phẩm có chứa Sữa, Đạm đậu nành.

3. Chỉ tiêu cảm quan:

STT	Chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Bột tơi, mịn, không vón cục
2	Màu sắc	Màu trắng đến ngà vàng
3	Mùi vị	Mùi đặc trưng của sản phẩm, không mùi cháy khét, mùi mốc hay mùi lạ. Vị ngọt dễ chịu, không có vị lạ (đắng khét).

4. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

Thành phần	Đơn vị	Mức tối thiểu trong 100 g bột
Năng lượng	kcal	378
Chất đạm	g	14,0
Chất béo	g	13,0
MUFA	mg	363
PUFA	mg	99,0
DHA	mg	20,0
Carbohydrate	g	45,6
Đường tổng số	g	22,8
Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin)	g	2,70

IgG	mg	16,0
Nucleotit	mg	18,0
Taurin	mg	31,0
Cholin	mg	111
Vitamin		
Vitamin A	µg	511
Vitamin D3	µg	11,0
Vitamin E	mg	7,00
Vitamin K1	µg	17,0
Vitamin K2	µg	33,6
Vitamin C	mg	64,0
Vitamin B1	µg	480
Vitamin B2	µg	960
Niacin	mg	6,88
Axit pantothenic	µg	1760
Vitamin B6	µg	720
Axit folic	µg	115
Vitamin B12	µg	0,80
Biotin	µg	5,00
Khoáng chất		
Natri	mg	156
Kali	mg	538
Clo	mg	396
Canxi	mg	680
Phốt pho	mg	453
Ti lệ Ca:P		1,20
Magiê	mg	107
Sắt	mg	6,00
I-ốt	µg	76,8
Kẽm	mg	5,68
Đồng	µg	92,8

Mangan	µg	461
Selen	µg	21,1
Crôm	µg	4,08
Molybden	µg	6,16

- Hàm lượng vitamin, khoáng chất không vượt quá mức cho phép của Phụ lục số 02 Ngưỡng dung nạp tối đa (Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2014/TT-BYT ngày 24 tháng 11 năm 2014 của Bộ Y tế).

5. Chỉ tiêu an toàn:

5.1. Chỉ tiêu vi sinh vật: Phù hợp QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	<i>Enterobacteriaceae</i>	/10g	KPH
2	<i>Staphylococi</i> dương tính với Coagulase	cfu/g	100
3	<i>L.monocytogens</i>	cfu/g	100
4	<i>Salmonella</i>	/25g	KPH

5.2. Hàm lượng kim loại nặng: Phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Asen (As)	mg/kg	0,5
2	Cadmi (Cd)	mg/kg	1
3	Chì (Pb)	mg/l pha chuẩn	0,02
		Tương đương mg/kg	0,1
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05
5	Thiếc (Sn)	mg/kg	250

5.3. Hàm lượng độc tố vi nấm: Phù hợp QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Hàm lượng Aflatoxin M1	µg/kg	0,5

5.4. Hàm lượng Melamin:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Hàm lượng Melamine	mg/kg	1

5.5. Các chỉ tiêu khác:

Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và hàm lượng các chất không mong muốn khác (bao gồm Nội độc tố của Staphylococcus): Sản phẩm được chế biến theo nguyên tắc GMP đảm bảo các chất không mong muốn phù hợp với quy định pháp luật.

6. Hướng dẫn sử dụng

- 1) Rửa sạch tay với xà phòng và nước trước khi pha.
- 2) Rửa sạch và đun sôi các dụng cụ, cốc và nắp trong 5 phút.
- 3) Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội đến khoảng 50 °C.
- 4) Cho 180 ml nước ấm vào cốc/bình rồi cho 4 muỗng gạt (tương đương 40 g bột).
- 5) Khuấy hoặc lắc đều cho đến khi bột tan hết. Thử độ nóng trước khi dùng.

Hỗn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 1 giờ.

7. Lượng dùng khuyến nghị

Dùng 2 – 3 *** ly/ngày.

(***) theo chuyên gia dinh dưỡng hoặc bác sĩ khuyên dùng.

CHÚ Ý: Sữa mẹ là thức ăn tốt nhất cho sức khỏe và sự phát triển toàn diện của trẻ nhỏ. Các yếu tố chống nhiễm khuẩn, đặc biệt là kháng thể chỉ có trong sữa mẹ có tác dụng giúp trẻ phòng, chống bệnh tiêu chảy, nhiễm khuẩn đường hô hấp và một số bệnh nhiễm khuẩn khác. Chỉ sử dụng sản phẩm này theo chỉ dẫn của bác sĩ. Pha chế theo đúng hướng dẫn. Cho trẻ ăn bằng cốc, thìa hợp vệ sinh.

Lưu ý: Sản phẩm có thể chứa các hạt vi chất dinh dưỡng có màu khác với màu bột sữa.

8. Đối tượng sử dụng

Dành cho trẻ từ 3 - 6 tuổi

9. Công dụng

Thay thế bữa phụ, bổ sung cho chế độ ăn thiếu đạm và vi chất dinh dưỡng. Hỗ trợ sự phát triển tổng thể, phù hợp với sinh lý lứa tuổi, giúp hỗ trợ hấp thu, tăng trưởng khỏe mạnh.

10. Hướng dẫn bảo quản

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần.

11. Hạn sử dụng:

Hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Lô sản xuất và hạn sử dụng được in trên bao bì sản phẩm.

12. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói

Quy cách bao gói: Lon/hộp/túi, 40 g, 200 g, 400 g, 800 g, 850 g, 900 g.

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong lon thiếc, túi tráng thiếc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.

13. Các biện pháp phân biệt thật giả:

Nhãn in rõ nét, có đầy đủ tên sản phẩm, hình ảnh logo công ty và số công bố chất lượng.

14. Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare.

Địa chỉ: Nhà máy 1, Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Thanh Khương, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Điện thoại: 024.66.833.368

Nhà máy Nutricare đạt chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm **ISO 22000:2018**,
Hệ thống thực hành sản xuất tốt (**GMP**), **HACCP**,
Hệ thống Quản lý môi trường **ISO 14001:2015**.

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Kí tên, đóng dấu)

du



Nguyễn Đức Minh
TỔNG GIÁM ĐỐC

